TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2025/KDTM-PT
Ngày: 22/8/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Như Mai
Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Nhàn
Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/KDTMPT ngày 09 tháng 01 năm 2025 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 165/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân quận BT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3988/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TV

Địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông NMH, ông NVL (theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2023) (ông Hiếu có mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng 1, 96 CT, Phường r, Quận e (nay là phường BC), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP

Địa chỉ: 1368/52/1B LVL, xã PK, huyện NB (nay là xã NB), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà AH – Giám đốc; Địa chỉ: 501/12 LD, phường ET, thành phố BMT (nay là phường EK), tỉnh ĐK (Có đơn xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH LP.

Địa chỉ: Lô số 29A, Khu chế xuất và công nghiệp LT III, phường AT, thị xã Trảng Bàng (nay là phường AT), tỉnh TN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông JY – Tổng giám đốc. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 31 Đường số 3A, phường BTD, quận BT (nay là phường AL), Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà D, sinh năm 1960

Địa chỉ: Căn 2, Tầng 4, Block A Chung cư Hoàng Anh ĐK, số 33 NCT, phường Tự An, thành phố BMT (nay là phường BMT), tỉnh ĐK. (Có đơn xin vắng mặt).

3.3. Bà KH, sinh năm 1989

Địa chỉ: 501/12 LD, phường ET, thành phố BMT (nay là phường EK), tỉnh ĐK.

Bà H ủy quyền cho ông MHAT (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 41 đường số 2, khu dân cư BC, phường BC, Thành phố TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà AH, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 501/12 LD, phường ET, thành phố BMT (nay là phường EK), tỉnh ĐK. (Có đơn xin vắng mặt)

3.5. Ông N, sinh năm 1974; bà PTH, sinh năm 1979; trẻ NTMV, sinh năm 2011 (người đại diện hợp pháp của trẻ Vân là ông N và bà H) (Có đơn xin vắng mặt).

3.6. Bà C, sinh năm 1931; bà MD, sinh năm 2005 (Có đơn xin vắng mặt).

3.7. Ông S, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 752, tổ 21, ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An (nay là xã ML, tỉnh TN).

Ông S ủy quyền cho bà TT (Có mặt)

Địa chỉ: 262/2D HVB, Phường 11, quận PN (nay là phường PN), Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông S:

Luật sư NTT, luật sư Đoàn Luật sư Việt Nam

Thuộc công ty Luật TNHH MTV PAT (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần TV trình bày:

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu HTP (sau đây gọi là Công ty HTP) đã vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần TV (V) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20220 ngày 10/12/2020, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BEN/19015 ngày 25/09/2019 và Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20164 ngày 22/10/2020, cụ thể như sau:

1) Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20220 ngày 10/12/2020

Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 01/số: BEN/20220-01 ngày 10/12/2020.

Số tiền vay: 1.004.745.600 đồng, Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 10/12/2020 đến ngày 10/6/2021, Lãi suất: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 15,9%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã thanh toán: 0 đồng. Số tiền còn nợ: Nợ gốc: 1.004.745.600 đồng, nợ lãi trong hạn: 14.005.878 đồng,

Lãi quá hạn: 931.188.588 đồng, Lãi chậm trả lãi: 5.187.931 đồng. Tổng cộng: 1.955.127.997 đồng.

2) Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BEN/19015 ngày 25/09/2019

Căn cứ điều 1 Hợp đồng tín dụng BEN/19015 ngày 25/09/2019 hạn mức cấp tín dụng là 65.000.000.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ đồng) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương.

Số tiền giải ngân bằng VNĐ là:

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 24/số: BEN/19015-24 ngày 06/8/2020

Số tiền vay: 3.009.825.000 đồng, thời hạn cho vay 05 tháng từ ngày 06/8/2020 đến ngày 06/01/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã thanh toán: gốc: 1.905.302.156 đồng; lãi: 81.743.256 đồng. Dư nợ còn lại: gốc: 1.104.522.844 đồng, lãi trong hạn: 6.355.284 đồng, lãi quá hạn: 582.744.059 đồng, lãi chậm trả lãi: 2.362.773 đồng. Tổng cộng: 1.695.984.960 đồng.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 25/số: BEN/19015-25 ngày 10/8/2020

Số tiền vay: 1.495.000.000 đồng, thời hạn cho vay 05 tháng từ 10/8/2020 đến 10/01/2021; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,8%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã thanh toán: lãi: 43.223.932 đồng. Dư nợ còn lại: Gốc: 1.495.000.000 đồng, lãi trong hạn: 10.792.671 đồng, lãi quá hạn: 794.385.658 đồng, lãi chậm trả lãi: 4.000.680 đồng. Tổng cộng: 2.304.179.009 đồng.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 26/số: BEN/19015-26 ngày 13/8/2020

Số tiền vay 234.900.032 đồng, thời hạn 05 tháng từ ngày 13/8/2020 đến ngày 13/01/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,8%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã thanh toán: lãi 6.627.398 đồng. Dư nợ còn lại: Gốc: 234.900.032 đồng, lãi trong hạn: 1.744.697 đồng, lãi quá hạn: 125.006.074 đồng, lãi chậm trả lãi: 646.255 đồng. Tổng cộng: 362.297.058 đồng.

Số tiền giải ngân bằng USD là:

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 27/số: BEN/19015-27 ngày 17/8/2020

Số tiền vay: 45.609,57 USD, thời hạn 05 tháng từ ngày 17/8/2020 đến ngày 17/01/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: Gốc: 31.726,91 USD, lãi: 791,70 USD. Dư nợ còn lại: Gốc: 13.882,66 USD, lãi trong hạn: 11,42 USD, lãi quá hạn: 4.853,66 USD, lãi chậm trả lãi: 4,21 USD. Tổng cộng: 18.751,95 USD.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 28/số: BEN/19015-28 ngày 26/8/2020

Số tiền vay: 12.554,11 USD thời hạn: 05 tháng từ ngày 26/8/2020 đến ngày 26/01/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6,1%/năm, điều chỉnh 01

tháng/01 lần. Đã trả: lãi: 278,50 USD. Số tiền còn nợ: Gốc: 12.554,11 USD, lãi trong hạn: 29,92 USD, lãi quá hạn: 4.368,11 USD, lãi chậm trả lãi: 10,96 USD. Tổng cộng: 16.963,10 USD.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 29/số: BEN/19015-29 ngày 28/8/2020

Số tiền vay: 19.385,54 USD, thời hạn vay 05 tháng, từ ngày 28/8/2020 đến ngày 28/01/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: lãi 423,87 USD. Số tiền còn nợ: gốc: 19.385,54 USD, lãi trong hạn: 52,38 USD, lãi quá hạn: 6.732,47 USD, lãi chậm trả lãi: 19,16 USD. Tổng cộng: 26.189,55 USD.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 30/số: BEN/19015-30 ngày 31/8/2020

Số tiền vay: 56.252,70 USD, thời hạn vay 05 tháng từ ngày 31/8/2020 đến ngày 31/01/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: lãi: 1.202,72 USD. Số tiền còn nợ: gốc: 56.252,70 USD, lãi trong hạn: 178,48 USD, lãi quá hạn: 19.486,71 USD, lãi chậm trả lãi: 65,13 USD. Tổng cộng: 75.983,02 USD.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 31/số: BEN/19015-31 ngày 08/9/2020

Số tiền cho vay: 33.751,62 USD, thời hạn cho vay 05 tháng, từ ngày 08/9/2020 đến ngày 08/02/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 6,1%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: lãi 678,73 USD. Số tiền còn nợ: gốc: 33.751,62 USD, lãi trong hạn: 150,17 USD, lãi quá hạn: 11.576,90 USD, lãi chậm trả lãi: 54,47 USD. Tổng cộng: 45.533,16 USD.

3) Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20164 ngày 22/10/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 30/10/2020

Hạn mức cho vay theo Hợp đồng này là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương

Giải ngân bằng tiền VNĐ gồm:

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 01/số: BEN/20164-01 ngày 23/10/2020

Số tiền cho vay: 2.850.188.000 đồng, thời hạn 05 tháng từ ngày 23/10/2020 đến ngày 23/03/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 7,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: lãi 28.861.082 đồng. Số tiền còn nợ: gốc 2.850.188.000 đồng, lãi trong hạn: 19.240.721 đồng, lãi quá hạn: 1.501.033.941 đồng, lãi chậm trả lãi: 7.126.974 đồng. Tổng cộng: 4.377.589.636 đồng.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 04/số: BEN/20164-04 ngày 17/11/2020

Số tiền vay: 414.315.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, từ ngày 17/11/2020 đến ngày 17/4/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,2%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: lãi 2.140.817 đồng. Số tiền còn nợ: gốc:

414.315.000 đồng, lãi trong hạn: 2.666.372 đồng, lãi quá hạn: 202.021.129 đồng, lãi chậm trả lãi: 987.653 đồng . Tổng cộng: 619.990.154 đồng.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 05/số: BEN/20164-05 ngày 20/11/2020

Số tiền vay: 608.655.600 đồng, thời hạn 05 tháng, từ ngày 20/11/2020 đến ngày 20/4/2021, Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,2%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: lãi 2.734.781 đồng. Số tiền còn nợ: gốc: 608.655.600 đồng, lãi trong hạn: 4.375.650 đồng, lãi quá hạn: 313.948.727 đồng, lãi chậm trả lãi: 1.620.789 đồng. Tổng cộng: 928.600.766 đồng.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 06/số: BEN/20164-06 ngày 30/11/2020

Số tiền vay: 154.529.100 đồng, thời hạn 05 tháng từ ngày 30/11/2020 đến ngày 30/04/2021, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,2%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: Lãi: 347.161 đồng. Số tiền còn nợ: Gốc: 154.529.100 đồng, lãi trong hạn: 1.110.916 đồng, lãi quá hạn: 79.927.531 đồng, lãi chậm trả lãi: 411.496 đồng. Tổng cộng: 235.979.043 đồng.

Giải ngân bằng USD số tiền là gồm:

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 02/số: BEN/20164-02 ngày 02/11/2020

Số tiền vay: 29.065,74 USD thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 02/11/2020 đến ngày 02/5/2021, Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 5,3%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: lãi: 295,44 USD. Số tiền còn nợ: gốc: 29.065,74 USD, lãi trong hạn: 153,77 USD, lãi quá hạn: 9.116,05 USD, lãi chậm trả lãi: 55,40 USD. Tổng cộng: 38.390,96 USD.

- Giải ngân theo khế ước nhận nợ Lần: 03/số: BEN/20164-03 ngày 03/11/2020

Số tiền vay: 86.600,00 USD, thời hạn 06 tháng, từ ngày 03/11/2020 đến ngày 03/5/2021, Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 5,3%/năm, điều chỉnh 01 tháng/01 lần. Đã trả: Lãi: 867,66 USD. Số tiền còn nợ: gốc: 86.600,00 USD, lãi trong hạn: 458,62 USD, lãi quá hạn: 27.152,66 USD, lãi chậm trả lãi: 165,23 USD. Tổng cộng: 114.376,51 USD.

Các khế ước nhận nợ Lần: 27/Số: BEN/19015-27 ngày 17/08/2020; Lần: 28/Số: BEN/19015-28 ngày 26/08/2020; Lần: 29/Số: BEN/19015-29 ngày 28/08/2020; Lần: 30/Số: BEN/19015-30 ngày 31/08/2020; Lần: 31/Số: BEN/19015-31 ngày 08/09/2020, V giải ngân theo hình thức Cho vay ngắn hạn để đáp ứng các nhu cầu vốn ở trong nước nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu qua cửa khẩu biên giới Việt Nam mà khách hàng vay có đủ ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu để trả nợ vay. Khi được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải ngân vốn cho vay, khách hàng vay phải bán số ngoại tệ vay đó cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho vay theo hình thức giao dịch hối đoái giao ngay. Căn cứ điểm đ khoản 1 điều

3 Thông tư số 24/2015/TT-NHNN ngày 08/12/2015 được sửa đổi bởi Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018.

Khế ước nhận nợ Lần: 03/Số: BEN/20164-03 ngày 03/11/2020 V giải ngân theo hình thức cho vay ngắn hạn để thanh toán ra nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ nhằm thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2015/TT-NHNN được sửa đổi bởi Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, V và các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau:

- Thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 114, tờ bản đồ số: 13, địa chỉ: Số 82 Bà Triệu, Phường Tự An, thành phố BMT, tỉnh ĐK theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có hồ sơ gốc số 382 do UBND tỉnh ĐK cấp ngày 10/05/2002. Cập nhật chuyển nhượng đất lần cuối cho bà D ngày 12/12/2007.

Việc thế chấp và nhận thế chấp của các tài sản trên theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 02/10/2019 giữa V Chi nhánh ĐK và bà D lập tại Văn phòng Công chứng Đại An số công chứng 11112, quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 38, địa chỉ: Khu chế xuất và công nghiệp LT III, xã AT, huyện Trảng Bàng, tỉnh TN theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 021808, số vào sổ cấp GCN: CT00367 do UBND tỉnh TN cấp ngày 08/06/2012.

Việc thế chấp và nhận thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: BEN/19015/HDTC ngày 27/9/2019 giữa Công ty TNHH LP và V chi nhánh Bến Thành lập tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh TN, số công chứng 8.197, quyển số 82.TP/CC-SCC/HĐGD.

- Thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS466054, số vào sổ cấp GCN: CS12024 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15/7/2019, cập nhật biến động ngày 04/3/2020 sang tên KH.

Việc thế chấp và nhận thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số: BEN/20086 ngày 03/8/2020 giữa bà KH và Ngân hàng Thương mại cổ phần TV, Chi nhánh Long An lập tại Văn Phòng Công chứng Hồ Thị Hồng Linh số công chứng 2045, quyển số 08TP/CC-SCC/HĐGD và thỏa thuận ngày 04/8/2020. Tài sản gắn liền với đất được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH đo đạc địa ốc xây dựng dịch vụ nhà đất Kiến Điền Land.

- Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà AH theo Hợp đồng bảo lãnh số BEN/20220-1 ngày 10/12/2020, Hợp đồng bảo lãnh số: BEN/20164/HĐBL

ngày 22/10/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/BEN/19/0095/HDHM ngày 25/9/2019.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty HTP đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên V căn cứ mục a điểm 5 Điều 2 Hợp đồng tín dụng chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 10/01/2021. V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty HTP, chủ tài sản bảo đảm và người bảo lãnh khoản vay yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty HTP, chủ tài sản bảo đảm, người bảo lãnh khoản vay cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V.

Nên V khởi kiện yêu cầu Công ty HTP phải trả ngay một lần cho V tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/09/2024) là: Nợ đô la Mỹ là 336.188,25 USD, trong đó: nợ gốc là 251.492,37 USD, lãi trong hạn là 1.034,76 USD, lãi quá hạn là 83.286,56 USD, lãi chậm trả lãi là: 374,56 USD; Nợ tiền đồng Việt Nam là 12.479.748.623 đồng, trong đó: nợ gốc là 7.866.856.176 đồng, lãi trong hạn là 60.292.189 đồng, lãi quá hạn 4.530.255.707 đồng, lãi chậm trả lãi là 22.344.551 đồng.

Từ ngày 24/09/2024, Công ty HTP vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi suất đối với tiền lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V.

Nếu Công ty HTP không thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên thì đề nghị Tòa án tuyên V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho V,

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho V thì bà AH phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty HTP theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với V.

Công ty HTP phải chịu chi phí tố tụng theo quy định bao gồm: Chi phí đo vẽ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

Án phí sơ thẩm: Yêu cầu bị đơn Công ty HTP phải chịu theo quy định.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Công ty TNHH LP, bà AH, ông S đã được triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng đã vắng mặt và không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà D trình bày: Bà là chủ sở hữu, sử dụng nhà đất số 82 Bà Triệu, phường Tự An, thành phố BMT, tỉnh ĐK theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 382 do Ủy ban nhân dân tỉnh ĐK cấp ngày 10/05/2002. Ngày 02/10/2019 bà có ký hợp đồng thế chấp tại V để đảm bảo khoản vay của Công ty HTP. Bà Dung đồng ý trả phần nợ gốc theo khoản vay của hợp đồng thế chấp và yêu cầu nhận lại tài sản thế chấp.

- Bà KH trình bày: Bà có cho mượn tài sản thuộc quyền sở hữu của bà tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An

cho Công ty HTP vay. Bà đề nghị Ngân hàng hỗ trợ hợp tác với bà để lấy tài sản ra.

- Bà C trình bày: Bà là mẹ ruột của ông N, căn nhà số 752 tổ 2 ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An (thửa đất số 149, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An) do con bà là ông N xây dựng vào năm 2006. Bà lớn tuổi không có công sức đóng góp vào việc xây dựng tôn tạo nhà đất trên. Đối với tranh chấp giữa Ngân hàng và Công ty HTP liên quan đến tài sản thế chấp bà không có ý kiến, không có yêu cầu gì. Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án.

- Ông N, bà PTH, trẻ NTMV do ông N và bà H là người đại diện hợp pháp có cùng ý kiến trình bày: thửa đất số 149, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An do mẹ ông là bà C cho con ông là S. Năm 2020 Sơn có cầm thửa đất trên cho bà KH với số tiền 3.000.000.000 đồng với sự chứng kiến của ông N. Sơn đã đóng lãi từ tháng 3/2020 đến tháng 9/2020 thì Sơn và gia đình ông bà không còn liên lạc với bà H được nữa để chuộc lại đất. Hiện tại trên thửa đất có căn nhà 1 trệt 1 lầu được xây dựng kiên cố chưa hợp thức hóa. Số tiền Sơn cầm cố là để sử dụng cho gia đình. Thực tế không có việc chuyển nhượng đất giữa S và KH mà chỉ có việc vay và cầm cố đất. Hiện tại căn nhà là chỗ ở của gia đình gồm: bà C, ông N, bà PTH, S, MD, NTMV. Nên vợ chồng ông N, bà PTH mong muốn chuộc lại căn nhà trên để gia đình có chỗ sinh sống.

Căn nhà trên do vợ chồng ông xây dựng, bà KH thế chấp căn nhà trên gia đình ông không biết trong khi gia đình ông sinh sống tại đây từ khi xây dựng đến nay.

- Bà MD trình bày:

Bà là con ruột của ông N, bà PTH và là em ruột của ông S. Hiện tại bà đang sinh sống tại căn nhà số 752 tổ 1, ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An (thửa đất số 149, bản đồ số 08 do anh bà là S đứng tên (căn nhà trên do cha mẹ xây dựng và anh bà là Ông S đứng tên). Nên việc tranh chấp giữa ngân hàng V và công ty HTP liên quan đến tài sản thế chấp là nhà đất nêu trên thì bà không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà C, bà MD, bà D có yêu cầu vắng mặt. Ông S và đại diện Công ty TNHH LP vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến được ghi nhận.

- Đại diện bị đơn Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP do bà AH trình bày: Công ty HTP xác nhận có vay số tiền như ngân hàng trình bày. Đối với số tiền lãi thì tại phiên tòa do công ty chưa đối chiếu nên chưa xác nhận được. Đại diện công ty đề nghị V cho công ty khoảng thời gian 06 tháng đến 01 năm để công ty sắp xếp hoặc tái cơ cấu nợ chuyển từ khoản vay ngắn hạn sang trung hạn hoặc tạo điều kiện cho công ty trả mỗi tháng từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng và giảm lãi.

Đại diện Công ty HTP cũng xác nhận các khoản vay trên được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp như V trình bày. Ngoài ra, bà AH cũng xác nhận bà có dùng toàn bộ tài sản cá nhân của bà để bảo lãnh trả nợ cho khoản vay trên của Công ty HTP, nếu việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ để trả nợ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà KH trình bày: Bà H xác nhận bà có dùng tài sản thuộc sở hữu của mình là thửa đất số 149, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An để thế chấp cho Công ty HTP vay. Nhà đất trên bà nhận chuyển nhượng từ ông S. Nên nếu gia đình Ông S là ông N và bà PTH cho rằng nhà đất trên do Ông S cầm cố để vay tiền thì bà đề nghị Ông S gặp bà để giải quyết. Bà sẽ cố gắng lấy tài sản ra, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông N, bà PTH, trẻ NTMV do ông N và bà H là người đại diện hợp pháp có cùng ý kiến trình bày: Căn nhà trên con ông là S cầm cố cho bà KH để vay 3.000.000.000 đồng, không phải mua bán. Ông đề nghị bà H cho gia đình ông chuộc lại, vì hiện tại căn nhà là chỗ ở của gia đình ông.

- Đại diện V trình bày: V chỉ cho công ty thời hạn là 01 tháng để xử lý toàn bộ khoản vay trên. Vì khoản vay này đã vi phạm thời gian trả nợ, V chuyển quá hạn đã lâu.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 165/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân quận BT đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần TV:

1.1. Buộc Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần TV số nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/9/2024 là 336.188,25 USD (Ba trăm ba mươi sáu nghìn một trăm tám mươi tám đô la Mỹ và hai mươi lăm xu) và 12.479.748.623đ (Mười hai tỷ bốn trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) (Trong đó: Khoản nợ đô la Mỹ gồm: nợ gốc là 251.492,37 USD, lãi trong hạn: 1.034,76 USD, lãi quá hạn: 83.286,56 USD, lãi chậm trả lãi: 374,56 USD; Khoản nợ tiền đồng Việt Nam gồm: nợ gốc là 7.866.856.176 đồng, nợ lãi trong hạn là 60.292.189 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.530.255.707 đồng, lãi chậm trả lãi là 22.344.551 đồng) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20220 ngày 10/12/2020, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BEN/19015 ngày 25/09/2019 và Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20164 ngày 22/10/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 30/10/2020. Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP còn phải chịu lãi quá hạn, lãi phạt của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20220 ngày 10/12/2020, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BEN/19015 ngày 25/09/2019 và Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20164 ngày 22/10/2020 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 30/10/2020.

1.2. Nếu Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP trả đủ số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần TV có nghĩa vụ giao trả giấy tờ pháp lý

các tài sản thế chấp cho chủ sở hữu, sử dụng theo các Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 02/10/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Đại An, thành phố BMT, tỉnh ĐK, số công chứng 11112, quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD, Hợp đồng thế chấp số: BEN/19015/HDTC ngày 27/9/2019 lập tại Phòng Công chứng số 1, tỉnh TN số công chứng 8.197, quyển số 82.TP/CC-SCC/HĐGD, Hợp đồng thế chấp số: BEN/20086 ngày 03/8/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Hồ Thị Hồng Linh, tỉnh Long An, số công chứng 2045, quyển số 08TP/CC-SCC/HĐGD.

1.3. Trường hợp, Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần TV có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thi hành án bao gồm:

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 114, tờ bản đồ số: 13, địa chỉ: Số 82 Bà Triệu, phường Tự An, thành phố BMT, tỉnh ĐK theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4001070382 có hồ sơ gốc số 382 do Ủy ban nhân dân tỉnh ĐK cấp ngày 10/05/2002. Cập nhật chuyển nhượng đất lần cuối cho bà D ngày 12/12/2007.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 38, địa chỉ: Khu chế xuất và công nghiệp LT III, xã AT, huyện Trảng Bàng, tỉnh TN theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 021808, số vào sổ cấp GCN: CT00367 do Ủy ban nhân dân tỉnh TN cấp ngày 08/06/2012 thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty TNHH LP.

- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Ấp LT, xã ML, huyện CG, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 466054, số vào sổ cấp GCN: CS12024 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 15/7/2019, đăng ký thay đổi chủ sở hữu sử dụng lần cuối ngày 04/03/2020 thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà KH (Hiện trạng tài sản gắn liền với đất được thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Công ty TNHH đo đạc địa ốc xây dựng dịch vụ nhà đất Kiến Điền Land lập ngày 24/6/2024).

Chủ sở hữu, chủ sử dụng tài sản thế chấp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người khác đang lưu trú tại các địa chỉ thuộc các tài sản thế chấp nêu trên có nghĩa vụ giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý hoặc phát mãi khi có yêu cầu.

Nếu phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thi hành án thì bà AH phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần TV gồm: Hợp đồng bảo lãnh số: SME/BEN/19/0095/HDHM ngày 25/9/2019, Hợp đồng bảo lãnh số: BEN/20164/HĐBL ngày 22/10/2020, Hợp đồng bảo lãnh số: BEN/20220-1 ngày 10/12/2020.

Sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán số nợ cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP thì Công

ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi thanh toán xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2024, bị đơn, công ty HTP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà KH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 11/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công ty TNHH LP kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà AH đại diện Bị đơn trình bày: Hiện tại có một số doanh nghiệp khác đang thuê, hoạt động ở Khu chế xuất và công nghiệp LT III, xã AT, huyện Trảng Bàng, tỉnh TN nhưng chưa được mời tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án thu thập. Bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty TNHH LP vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Người kháng cáo là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà KH có ông MHAT là người đại diện theo ủy quyền xin xét xử vắng mặt.

Bà Trang là người đại diện theo ủy quyền của ông S trình bày: Đối với thửa đất 149 hiện tại gia đình Ông S gồm 6 người đang sinh sống. Hợp đồng chuyển nhượng của Ông S cho bà H là hợp đồng che giấu cho hợp đồng cầm đất, nhưng bà H lại lấy đi đảm bảo khoản vay cho công ty HTP. Vì lý do khách quan nên trong quá trình sơ thẩm Ông S không tham gia được nên không đưa ra ý kiến, không kháng cáo. Vì trong thời gian đó do bị lừa Ông S tham gia lao động bất hợp pháp ở Campuchia, bị tịch thu điện thoại giấy tờ nên ko biết vụ án. Đến tháng 2.2025 Ông S mới được về nhà thì mới biết vụ việc.

Đề nghị HĐXX xem xét hợp đồng chuyển nhượng giữa Ông S, bà H, tuyên hợp đồng chuyển nhượng giữa Ông S bà H là vô hiệu do giả tạo, hủy phần cập nhật biến động sang tên cho bà H vào ngày 04/3/2020, hủy cập nhật giao dịch đảm bảo, thế chấp thửa đất cho V, hủy hợp đồng thế chấp giữa bà H với V đối với thửa đất 149 do có đối tượng không thể thực hiện được. Đối với hợp đồng chuyển nhượng Ông S yêu cầu tuyên vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của công ty TNHH LP, bác kháng cáo của bị đơn và bà KH, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 23/9/2024, Toà án nhân dân quận BT ban hành Bản án số 165/2024/KDTM-ST. Ngày 03/10/2024 bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà KH có đơn kháng cáo. Ngày 11/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công ty TNHH LP kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của các đương sự là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP TV khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá đối với bị đơn là công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP, có địa chỉ trụ sở tại số 31 đường 3A phường Bình Trị Đông, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công ty LP kháng cáo nhưng vắng mặt hai lần không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét yêu cầu của bị đơn, Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà KH về việc kháng cáo toàn bộ Bản án, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BEN/19015 ngày 25/9/2019 và Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20164 ngày 22/10/2020, Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/20220 ngày 10/12/2020. Các hợp đồng đều thỏa thuận lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và được thông báo cho bên vay. Hồ sơ thể hiện nguyên đơn không cung cấp bảng chiết tính lãi cụ thể của từng hợp đồng và khế ước nhận nợ, không thể hiện từng thời điểm thay đổi lãi suất, thay đổi theo các thông báo nào, lãi suất áp dụng và thời gian tính lãi cụ thể của từng thời kỳ thay đổi. Nguyên đơn cũng không cung cấp quyết định thay đổi lãi suất và thông báo thay đổi lãi suất cho khách hàng như thỏa thuận tại Hợp đồng. Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm, Bị đơn không đồng ý với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán

nhưng cấp sơ thẩm không cho đối chất làm rõ mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn. Nội dung khoản vay giữa hai bên có cả tiền đô la Mỹ nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét tư cách chủ thể cũng như mục đích khoản vay của bên vay có đủ điều kiện để vay tiền đô la Mỹ không nhưng đã xác định giao dịch là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N và bà PTH là người thực tế ở trên đất, bố mẹ của Ông S. Ông Ninh và bà H nhiều lần trình bày ông bà bỏ tiền ra xây dựng căn nhà trên đất (phần nhà này chưa cập nhật trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc tài sản bảo đảm) và ông N bà H cũng trình bày đang khởi kiện bà NTKH ở tòa án TN. Lẽ ra Tòa án phải thu thập chứng cứ đối với nội dung này, hướng dẫn đương sự làm đơn yêu cầu độc lập để giải quyết đối với phần giá trị xây dựng trên tài sản bảo đảm nhưng Tòa án lại giải thích cho ông N về việc do Ông S là người đứng tên trên giấy tờ nên chỉ có Ông S mới là người yêu cầu nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản trên (trang 5 biên bản phiên tòa, bút lục số 700) là không đúng quy định pháp luật và không bảo đảm quyền lợi của đương sự liên quan.

Ngoài ra, tại phiên tòa, ông S cung cấp tài liệu chứng cứ là Hợp đồng cầm đất viết tay cùng ngày với ngày công chứng mua bán đất với bà KH. Nội dung thể hiện Ông S là người đứng tên thửa đất số 149 tờ bản đồ số 08, địa chỉ ấp LT, xã ML. Ngày 22/02/2020, Ông S có "*ra công chứng cầm cho bà KH, SN: 1989, CMND: 241072165 cấp ngày 03/10/2014 – Địa chỉ thường trú 501/12 LD, phường ET, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lak với số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ đồng), lãi suất 1,5%/tháng. Hôm nay đưa trước 2.300.000.000 (hai tỷ ba trăm triệu) còn lại 700.000.000 (bảy trăm triệu đồng) trong vòng 14 ngày chị Hợp đưa anh Sơn phần còn lại là 700.000.000 (bảy trăm triệu đồng chẵn). Thời gian cầm thửa đất này là 12 tháng bên anh Sơn chuộc lại đất. Bên chị Hợp hợp tác trả lại phần đất cho anh Sơn*". Giấy viết tay có chữ ký của Ông S và bà H cùng 2 người làm chứng. Đây là tài liệu chứng cứ mới cần phải được xem xét liên quan đến quyền sở hữu của tài sản được dùng để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng tranh chấp nêu trên.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là cần thiết để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và nguyên tắc hai cấp xét xử.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, y án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

[5] Về án phí:

Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án tại cấp sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm, do công ty TNHH LP bị đình chỉ yêu cầu kháng cáo nên tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của công ty TNHH LP đã nộp sẽ được sung ngân sách nhà nước.

Do bị đơn, Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà KH được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp cho công ty HTP và bà KH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH LP.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà KH: Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 165/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân quận BT. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí sơ thẩm được xem xét lại khi giải quyết sơ thẩm.

4. Án phí phúc thẩm: Sung vào ngân sách nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm công ty TNHH LP đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0048337 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu HTP số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0043620 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT.

Hoàn trả cho bà KH số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0043621 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 9 Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Như Mai


2024KTPT39737
1 000129 988219
17.02.2025 11:11
Ngân hàng TMCP Việt Nam